TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Hùng Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Khách

Ông Phạm Văn Khuyến

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Thùy Duyên -Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Giáp - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 19/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm: 2000; Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyệnM, tỉnh P;

- Bị đơn: Anh Đinh Quang H, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện R, tỉnh P;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đinh Quang M, sinh năm: 1973 và bà Phùng Thị H, sinh năm: 1976. Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện R, tỉnh P;

(Nguyên đơn chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông M, bà H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh T và anh Đinh Quang H tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận kết hôn số 92/2020, đăng ký vào ngày 26/11/2020. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc cho đến cuối tháng 5 năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống cũng như trong sinh hoạt gia đình, không có sự hòa hợp trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Do mâu thuẫn không thể dung hòa được nên vợ chồng đã sống ly thân từ đầu tháng 6 năm 2021 cho đến nay. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hai bên gia đình đều biết, có khuyên giải vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Thời gian sống ly thân vợ chồng không còn sự liên lạc hay quan tâm thương yêu, chăm sóc lẫn nhau; kinh tế hoàn toàn độc lập. Theo đơn khởi kiện cũng như quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đinh Quang H.

Về con: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Đinh Hoàng Khánh C, sinh ngày: 09/6/2021. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu C được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay, cháu T còn nhỏ (chưa đủ 36 tháng tuổi), vì vậy khi ly hôn, chị T có nguyện vọng và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Đinh Hoàng Khánh C, sinh ngày: 09/6/2021 cho đến khi cháu C trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Theo đơn khởi kiện chị T yêu cầu bị đơn anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Đinh Hoàng Khánh C, sinh ngày: 09/6/2021 với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng từ khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Theo đơn khởi kiện cũng như tại các bản tự khai nguyên đơn chị T trình bày: Trong thời gian chung sống vợ chồng với anh Đinh Quang H, chị T có cho bố mẹ chồng là ông Đinh Quang M và bà Phùng Thị H, vay số vàng 13,5 chỉ vàng (loại vàng 9999), tương đương quy thành tiền là 73.000.000 đồng (Bảy mươi ba triệu). Nguồn gốc số vàng chị T cho bố mẹ chồng vay (là tài sản hồi môn mà chị T được mẹ ruột và người thân của chị T cho chị T khi lấy chồng). Mục đích bố mẹ chồng vay số vàng để mua đất, nói vay một thời gian ngắn sẽ trả, do là người thân trong gia đình nên khi vay các bên không làm giấy tờ. Thời điểm vợ chồng chị T anh H xảy ra mâu thuẫn, chị T đã nhiều lần yêu cầu ông M bà H trả lại số vàng đã

vay nhưng ông M bà H vẫn chưa trả lại. Vì vậy theo đơn khởi kiện, chị T yêu cầu ông M và bà H phải có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn chị T số vàng đã vay là 13,5 chỉ vàng (loại vàng 9999) hoặc trả lại theo giá trị bằng tiền tương ứng với 13,5 chỉ vàng (loại vàng 9999).

Ngày 09/6/2022, nguyên đơn chị T nộp đơn yêu cầu rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

1. Nguyên đơn chị T rút yêu cầu về việc buộc bị đơn anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu C, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con;

2. Nguyên đơn chị T rút nội dung yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông M và bà H phải có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn chị T số vàng đã vay là 13,5 chỉ vàng (loại vàng 9999) hoặc trả lại theo giá trị bằng tiền tương ứng với 13,5 chỉ vàng (loại vàng 9999).

Bị đơn anh Đinh Quang H:

Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định cho bị đơn anh Đinh Quang H. Do đó Căn cứ Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án đã gửi tống đạt Thông báo thụ lý vụ án số 39/2022/TLST-HNGĐ (ngày 28/3/2022), các giấy triệu tập đương sự làm việc, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (16-5-2022); Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đinh Quang H vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị H trình bày tại biên bản lấy lời khai:

Bà H là mẹ ruột của anh H còn nguyên đơn chị T là con dâu của bà H ông M, vợ chồng anh H chị T chung sống và đăng ký kết hôn vào tháng 11 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T anh H chung sống với bố mẹ chồng tức gia đình bà H ông M cho đến khi chị T mang thai và sinh con là cháu Đinh Hoàng Khánh C, sinh ngày: 09/6/2021, chị T sinh con về nhà mẹ ruột tại Bù Gia Mập hết thời gian 03 tháng 10 ngày, sau đó về lại nhà chồng. Tuy nhiên, không biết vì lý do gì, sau khi quay về nhà chồng được 01 ngày thì vợ chồng chị T anh H xảy ra mâu thuẫn nên chị T cùng con nhỏ là cháu Đinh Hoàng Khánh C bỏ về sinh sống tại nhà mẹ ruột (tại xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập) nên từ đó đến nay vợ chồng chị T anh H mâu thuẫn sống ly thân cho đến nay.

Về yêu cầu của nguyên đơn chị T cho rằng chị T có cho vợ chồng bà H ông

M vay số vàng 13 chỉ (loại vàng tuổi vàng 9999), ý kiến của bà H lời khai của chị T không đúng vì thực tế sau đám cưới chị T có nhờ bà giữ hộ cho vợ chồng chị T anh H số vàng là 10 chỉ (01 cây). Trong khoảng thời gian sống chung trong gia đình bà H đã đưa cho chĩ T 02 chỉ vàng khi chị T đổi từ vòng đeo tay (bằng vàng) sang kiểu lắc dây (bằng vàng) và đã đưa cho anh H 01 chỉ khi anh H đổi điện thoại mới. Vì vậy hiện nay chỉ còn giữ hộ của chị T anh H số vàng 07 chỉ. Ý kiến bà H, sau này số vàng này bà H sẽ giao lại cho cháu C. Ngoài ra bà H còn trình bày thêm về lý do bị đơn anh H mặc dù biết Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án ly hôn cũng như nhận được các văn bản tụng của Tòa án nhưng anh H không lên Tòa án làm việc là do trước đó chị T có hành động, lời nói không hay đến gia đình chồng và bố mẹ chồng.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đinh Quang M:

Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định cho ông Đinh Quang M. Do đó Căn cứ Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án đã gửi tống đạt Thông báo thụ lý vụ án số 39/2022/TLST-HNGĐ (ngày 28/3/2022), các giấy triệu tập đương sự làm việc, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (16-5-2022); Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông M vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ nhận thấy chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H. Theo lời trình bày của chị T và xác M tại địa phương thì có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H có mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân kéo dài. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T; giao con chung là cháu Đinh Hoàng Khánh C, sinh ngày: 09/6/2021 cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục; cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết. Về nợ:

nguyên đơn có đơn rút yêu cầu giải quyết về nợ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng*:

Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung với anh Đinh Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú, cư trú tại địa chỉ: Thôn Phước Thịnh, xã Bình Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xác định quan hệ pháp luật của vụ án là *"Ly hôn"*. Căn cứ các Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn anh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông M và bà H đã được Tòa án gửi tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn chị T, bị đơn anh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông M, bà H.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh H là hôn nhân hợp pháp, đủ các điều kiện về kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập vào ngày 26/11/2020 theo giấy chứng nhận kết hôn số 92/2020.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T, hôn nhân giữa chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn từ tháng 5/2021, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống cũng như trong cuộc sống sinh hoạt gia đình, không có sự hòa hợp trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Do mâu thuẫn không thể dung hòa được nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2021 cho đến nay. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hai bên gia đình đều biết, có khuyên giải vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn sự, chăm sóc cho nhau, kinh tế hoàn toàn độc lập. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích, giải thích cho chị T các hệ lụy, hậu quả xảy ra khi ly hôn để chị T đoàn tụ tiếp tục chung sống với anh H. Tuy nhiên, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì đời sống hôn nhân với anh H, chị T yêu cầu Tòa án giải

quyết cho ly hôn. Tòa án đã tiến hành xác M về tình trạng hôn nhân của các đương sự theo cung cấp thông tin của địa phương cũng như lời khai của bà H (là mẹ ruột anh H) xác nhận: Chị T và anh H xảy ra mâu thuẫn nên hai vợ chồng sống ly thân, chị T và con là cháu C chuyển về nhà mẹ ruột của chị T tại địa chỉ thôn Đức Lập, xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập để sinh sống. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, chị T được ly hôn với anh Đinh Quang H.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Trong thời gian chung sống, chị T và anh H có 01 con chung là cháu Đinh Hoàng Khánh C, sinh ngày: 09/6/2021. Trong thời gian sống ly thân, cháu C được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu C. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay, cháu C còn nhỏ (chưa đủ 36 tháng tuổi). Do đó, để đảm bảo môi trường ổn định giúp cháu C phát triển tốt về tâm lý, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu C cho chị T có nghĩa vụ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T đã rút phần yêu cầu về cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ: Ngày 06/9/2022, nguyên đơn chị T có đơn rút phần yêu cầu về việc buộc ông M và bà H phải có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn chị T số vàng đã vay là 13,5 chỉ vàng (loại vàng 9999) hoặc trả lại theo giá trị bằng tiền tương ứng với 13,5 chỉ vàng (loại vàng 9999). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện này. Các đương sự có quyền yêu cầu giải quyết lại bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39 và Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 81; 82; 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh T được ly hôn với anh Đinh Quang H. Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Thanh T với anh Đinh Quang H chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Đinh Hoàng Khánh C, sinh ngày: 09/6/2021 cho chị Lê Thị Thanh T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu C thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc ông Đinh Quang M và bà Phùng Thị H phải có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn chị T số vàng đã vay là 13,5 chỉ vàng (loại vàng 9999) hoặc trả lại theo giá trị bằng tiền tương ứng với 13,5 chỉ vàng (loại vàng 9999). Các đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Lê Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015693, ngày 25/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Án phí dân sự sơ thẩm chị T không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng hoàn lại cho chị T số tiền tạm ứng còn lại 1.825.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015693, ngày 25/3/2021.

[5] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- THADS huyện Phú Riềng;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Nghĩa;
- UBND xã Bình Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Hùng Dũng